



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH-THỊ T B TR NG H C KIÊN GIANG (KBE)**  
Lô E16 s 30-31-32 ng 3/2 – P. Vĩnh Lộc – Tp. Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang  
Số điện thoại: 0297.3862125 Fax: 0297.3867517  
Website: <http://www.donghobooks.vn> Email: vanphong.kbe@gmail.com

---

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## *NĂM 2019*



Ngày phát hành : 16 – 03 – 2020

# M C L C

Trang

<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và a bàn kinh doanh .....	2
3. Thông tin v mô hình qu n tr , t ch c kinh doanh và b máy qu n lý.....	3
4. nh h ng phát tri n.....	4
5. Các r i ro .....	5
<b>II. TÌNH HÌNH HO T NG TRONG N M.....</b>	<b>5</b>
1. Tình hình ho t ng s n xu t kinh doanh .....	5
+ Tóm t t tình hình ho t ng trong n m.....	5
+ Tình hình th c hi n so v i k ho ch.....	6
2. T ch c và nhân s .....	6
+ Danh sách Ban i u hành.....	6
+ Nh ng thay i trong Ban i u hành .....	8
+ S l ng cán b , nhân viên, chính sách cho ng i lao ng.....	8
3. Tình hình ut , th c hi n các d án.....	9
4. Tình hình tài chính .....	9
a. Tình hình tài chính.....	9
b. Các ch tiêu tài chính ch y u .....	10
5. C c uc ông, thay i v n ut c ach s h u.....	10
6. Báo cáo tác ng liên quan n môi tr ng và xã h i c a công ty.....	11
<b>III. BÁO CÁO VÀ ÁNH GIÁ C A BAN GIÁM C .....</b>	<b>13</b>
1. ánh giá k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh.....	13
2. Tình hình tài chính.....	13
a. Tình hình tài s n.....	13
b. Tình hình n ph i tr .....	13
3. Nh ng c i ti n v c c ut ch c, chính sách, qu n lý .....	14
4. K ho ch phát tri n trong t ng lai .....	14
<b>IV. ÁNH GIÁ C A H QT V HO T NG C A CÔNG TY .....</b>	<b>15</b>
1. ánh giá c a H QT v các m t ho t ng c a công ty .....	15
2. ánh giá c a H QT v ho t ng c a BG công ty .....	15
3. Các k ho ch, nh h ng c a H QT .....	16
<b>V. QU N TR CÔNG TY .....</b>	<b>16</b>
1. H i ng qu n tr .....	16
2. Ban ki m soát .....	18
3. Các giao d ch, thù lao và các kho n l i ích c a H QT, BG và BKS .....	19
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>20</b>
1. Ý ki n ki m toán .....	20
2. Báo cáo tài chính c ki m toán .....	22



**BÁO CÁO TH NG NIÊN**  
**CÔNG TY C PH N SÁCH – THI T B TR NG H C KIÊN GIANG**  
**N m báo cáo 2019**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

– Tên giao d ch: **CÔNG TY C PH N SÁCH – THI T B TR NG H C KIÊN GIANG.**

– Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p s : **1700418394** , ng ký l n u ngày 11/07/2003, ng ký thay i l n 5 ngày 04/05/2018.

– V n i u l : **12.310.600.000 ng.**

– V n u t c a c h s h u: **12.310.600.000 ng.**

– a c h : **Lô E16 s 30-31-32 ng 3/2, ph ng V nh L c, thành ph R ch Giá, t nh Kiên Giang.**

– S i n tho i: **0297. 3862125**

– S fax: **0297. 3867517**

– Website: **http://www.donghobooks.vn** - Email: **vanphong.kbe@gmail.com**

– Mã c phi u: **KBE**

***Quá trình hình thành và phát tri n:***

– Quá trình hình thành và phát tri n:

+ *Quá trình hình thành:*

Công ty C ph n Sách - Thi t B Tr ng H c Kiên Giang ti n thân là Công ty Sách Thi t B Tr ng H c Kiên Giang (doanh nghi p nhà n c). c thành l p c n c vào thông t s 14/TT-TC ngày 10-06-1982 c a b Giáo D c (nay là B Giáo D c – ào t o). Ch t ch UBND t nh Kiên Giang ã ra quy t nh s 371/Q -UB ngày 30-8-1982, thành l p Công ty Sách Thi t B Tr ng H c tr c thu c Ty Giáo D c (nay là S Giáo d c – ào t o Kiên Giang) trên c s h p nh t Phòng Phát hành - th vi n và Phòng Thi t b d y h c.

T n m 1984 – 1992 t ch c ho t ng c a Công Ty i vào n n p. T ó công tác phát hành sách, th vi n tr ng h c và xây d ng các phòng thí nghi m – th c hành ã có nhi u chuy n bi n tích c c.

T 1999 n nay Công Ty c giao thêm công tác phát hành sách và v n hóa ph m thu c các ngành V n Hóa – Thông Tin qu n lý. Công ty ã có quan h v i 43 Nhà Xu t B n trong c n c có ngu n sách a d ng và phong phú ph c v cho b n c t nh nhà. Do làm t t công tác này nên Công Ty c B V n Hóa- Thông Tin c p b ng khen.

+ *Chuy n i s h u thành công ty c ph n:*



Th c hi n Quy t nh s 38/Q \_TTg ngày 08-01-2003 c a Th t ng Chính ph v vi c phê duy t ph ng án t ng th s p x p, i m i doanh nghi p nhà n c tr c thu c UBND t nh Kiên Giang giai o n 2003-2005; c n c vào Quy t nh s 1760/Q \_UB ngày 26-06-2003 c a UBND t nh Kiên Giang v vi c chuy n Công ty Sách Thi t B Tr ng H c Kiên Giang thành Công ty c ph n Sách - Thi t B Tr ng H c Kiên Giang.

Ngày 01-07-2003 Công ty ã ti n hành i h i ng c ông thành l p Công ty c ph n. Sau khi thành l p công ty ã nhanh chóng n nh t ch c và i vào ho t ng theo úng pháp lu t qui nh, úng i u l ho t ng c a công ty.

Công ty c ph n Sách - Thi t b tr ng h c Kiên Giang thành l p theo Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh s : 56-03-00014 ngày 11-07-2003 (l n u). V n i u l : 6.155.300.000 ng (Sáu t m t tr m n m m i l m tri u ba tr m ngàn ng). V n nhà n c s h u chi m 40% t ng v n i u l .

ng ký thay i gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh l n th nh t ngày 28-12-2006 v i s 56-03-00014 b sung thêm ngành ngh kinh doanh, v n i u l không i.

ng ký thay i Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh l n hai, ngày 24-07-2008 s : 56-03-00014 b sung thêm m t s ngành ngh , v n i u l không i.

ng ký thay i gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh l n th ba ngày 12-02-2009, s : 1700-418394, b sung thêm m t s ngành ngh , v n i u l t ng g p ôi: 12.310.600.000 ng (M i hai t ba tr m m i tri u sáu tr m ngàn ng), v n nhà n c chi m gi gi m còn 20%.

Tháng 03/2009, Công ty hoàn t t th t c ng ký và tr thành công ty i chúng theo úng lu t nh. n 01/03/2010, công ty chính th c giao d ch trên sàn UPCoM v i mã giao d ch là KBE.

Ngày 15/11/2012 công ty ng ký thay i gi y phép kinh doanh l n th 4 do thay i tr s làm vi c m i t tr s c s 40 Ph m H ng Thái, ph ng V nh Thanh Vân, R ch Giá, Kiên Giang v tr s m i Lô E16 s 30-31-32 ng 3/2, ph ng V nh L c, R ch Giá, Kiên Giang.

Ngày 04/05/2018, công ty thay i Gi y ng ký kinh doanh l n th 5 do thay i ng i i di n (Ch t ch H QT) Ông Nguy n Hùng D ng thay th ông Châu V n Hi u h t nhi m k .

– Các s ki n khác: không.

## 2. *Ngành ngh và a bàn kinh doanh*

– Ngành ngh kinh doanh:

+ Mua bán, phát hành các lo i sách, thi t b d y h c, v n phòng ph m, v n hóa ph m, quà l u ni m, ch i tr em, d ng c TDTT...

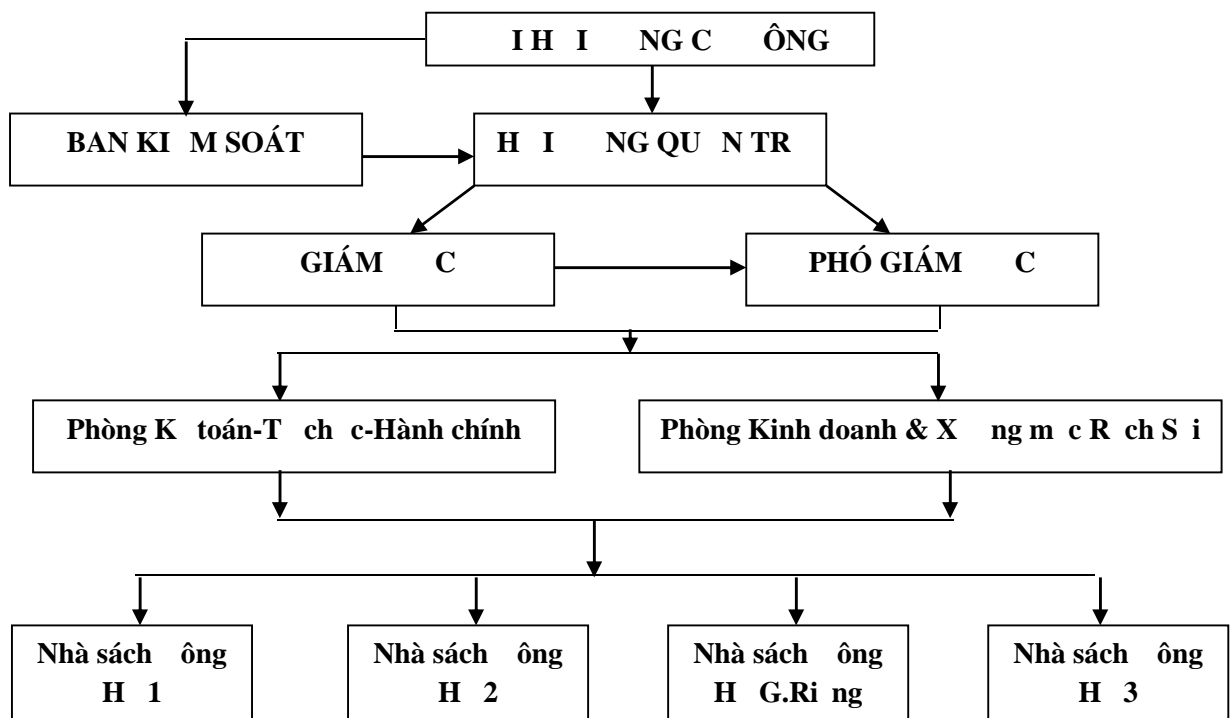
+ In n, liên k t in n các lo i...



- + Bán buôn, bán l các lo i thi t b dùng, dùng gia ình...
- + Bán buôn, bán l các thi t b vi tính, thi t b v n phòng, thi t b i n, thi t b vi n thông...
- + S n xu t và cung c p các m t hàng g trang b cho nhà tr ng, v n phòng.
- a bàn kinh doanh:
  - + H th ng bán l t p trung ch y u t i thành ph R ch Giá và huy n Gi ng Ri ng, t nh Kiên Giang.
  - + H th ng bán s : cung c p hàng hóa cho các i lý, Phòng Giáo d c, và các tr ng r ng kh p 15 huy n, th , thành ph trong t nh Kiên Giang.

3. Thông tin v mô hình qu n tr , t ch c kinh doanh và b máy qu n lý

- Mô hình qu n tr .



- C c u b máy qu n lý.
  - a. Hội ng qu n tr : g m 5 thành viên, trong ó 1 Ch t ch, 4 thành viên
  - b. Th ký H QT : 01 ng i
  - c. Ban ki m soát: G m có 01 Tr ng ban và 02 thành viên .
  - d. Ban Giám c g m 2 thành viên: 1 Giám c và 1 Phó Giám c .
  - . Các phòng ban:
    - + Phòng Kinh doanh : 01 Tr ng phòng
    - + Phòng K toán - T ch c – Hành chính : 01 Tr ng phòng, 02 phó phòng
  - e. Các chi nhánh tr c thu c Công ty:



+ Nhà sách ông H 1: 01 C a hàng tr ng , 01 c a hàng phó

a ch : 98B Tr n Phú, ph ng V nh Thanh, TP.R ch Giá, t nh Kiên Giang.

T: 02973.876996; Fax: 02973.876995.

+ Nhà sách ông H 2: 01 C a hàng tr ng , 01 c a hàng phó

a ch : 989 Nguy n Trung Tr c, ph ng An Bình, TP.R ch Giá, t nh Kiên Giang.

T: 02973.914717; Fax: 02973.914716.

+ Nhà sách ông H 3: 01 C a hàng tr ng , 01 c a hàng phó

a ch : Lô E16 s 30-31-32 ng 3 tháng 2, ph ng V nh L c, TP.R ch Giá, t nh Kiên Giang.

T: 0297.6251122; Fax: 02973.867517.

+ Nhà sách ông H Gi ng Ri ng: 01 C a hàng tr ng , 01 c a hàng phó.

a ch : Khu N i ô Th tr n Gi ng Ri ng, huy n Gi ng Ri ng, t nh Kiên Giang.

T: 02973.654297; Fax: 02973.631935.

+ X ng m c R ch S i: 01 Qu n c

a ch : 45 Tr n Cao Vân, ph ng R ch S i, TP.R ch Giá, t nh Kiên Giang.

T: 02973.865252; Fax: 02973.865252.

– Các công ty con, công ty liên k t: Không có

#### 4. *nh h ng phát tri n*

– Các m c tiêu ch y u c a Công ty: M c tiêu ho t ng c a công ty là không ng ng phát tri n các ho t ng s n xu t, th ng m i và d ch v trong các l nh v c ho t ng kinh doanh c a công ty nh m t i a hóa l i nhu n cho công ty, l i ích c a c ông; c i thi n i u ki n làm vi c và nâng cao thu nh p cho ngu i lao ng; th c hi n y các ngh a v v i ngân sách nhà n c; phát tri n công ty ngày càng l n m nh, b n v ng.

– Chi n l c phát tri n trung và dài h n: Tì p t c m r ng th ph n bán l các tuy n huy n khi có i u ki n thu n l i; tìm ra các hình th c kinh doanh m i, phù h p nh m t ng doanh thu, t o thêm vi c làm, m b o i s ng cho ng i lao ng và l i ích c a c ông; phát tri n hình th c bán hàng qua m ng.

– Các m c tiêu i v i môi tr ng, xã h i và c ng ng c a Công ty: Công ty c ph n Sách – TBTH Kiên Giang th ng xuyên ng h và tài tr cho các ch ng trình phát tri n Giáo d c t i a ph ng, tham gia các ho t ng xã h i, t thi n khác nh m h ng t i m t xã h i cùng phát tri n b n v ng. Bên c nh ó công ty c ng t ng b c c i thi n môi tr ng kinh doanh, s n xu t nh m h ng n m c tiêu là m t công ty xanh góp ph n xây d ng m t th gi i xanh – s ch – p.

**5. Các r i ro:****a. R i ro v lu t pháp**

Là Công ty c ph n nên ho t ng c a Công ty ch u s i u ch nh c a Lu t Doanh nghi p. Khi ng ký Công ty i chúng thì ho t ng c a Công ty còn ch u s i u ch nh c a Lu t ch ng khoán, Ngh nh và các Quy nh v Ch ng khoán và Th tr ng ch ng khoán. Bên c nh ó là các v n b n pháp lu t liên quan n ho t ng c a Công ty: Lu t Qu n lý thu , thu Thu nh p doanh nghi p, Lu t Xu t b n...

**b. R i ro c thù**

Sách là m t lo i hàng hóa c bi t, n u không có chính sách thu mua phù h p i v i t ng lo i sách khác nhau thì Công ty có th gánh ch u l ng hàng t n kho l n và hao t n chi phí cho Công ty. ng th i, c thù c a kinh doanh nhà sách là s l ng tiêu th t ng m nh vào mùa t u tr ng, nên vào nh ng mùa th p i m, l ng hàng t n kho khá l n c đ tr và giao cho các c a hàng qu n lý s tr thành m t gánh n ng cho Công ty; vi c c i cách giáo d c, thay i, ch nh s a n i dung sách giáo khoa th ng xuyên c ng òi h i ph i theo dõi th ng xuyên, liên t c các u sách t n kho tránh thi t h i l n khi thay i sách. Bên c nh ó, hi n nay ngu n sách và v n phòng ph m luôn a đ ng, phong phú và c c p nh t liên t c nên l ng hàng t n kho n u không tiêu th trong th i gian ng n s b l i th i và ti p t c ng. Vì th , y u t hàng t n kho tr nên r i ro và nh h ng l n n ho t ng kinh doanh c a Công ty.

**c. R i ro khác**

Nh ng hàng hóa c a Công ty kinh doanh hi n nay ch y u là sách và v n phòng ph m là nh ng v t li u đ cháy, do ó, r i ro v h a ho n luôn c n c c nh giá c và v n phòng ng a h a ho n, tuân th nghiêm túc nh ng quy nh v phòng cháy, ch a cháy ph i t lên hàng u. Ngoài ra, i v i nh ng nhân t r i ro b t kh kháng nh : thiên tai, chi n tranh, d ch b nh..., n u x y ra s gây thi t h i v tài s n, con ng i và nh h ng n ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

**II. Tình hình ho t ng trong n m****1. Tình hình ho t ng s n xu t kinh doanh****Tóm t t tình hình ho t ng kinh doanh trong n m 2019**

CH TIÊU	TH 2018	KH 2019	TH 2019	% TH 2019 so TH 2018	% TH 2019 so KH 2019
T ng tài s n	32.331.308.420	-	33.355.426.278	103,17%	-
Doanh thu thu n	111.846.571.598	113.870.000.000	120.952.812.225	108%	106,22%
L i nhu n t H KD	3.625.714.130	3.998.662.678	4.025.777.725	111%	101%
L i nhu n khác	196.734.483	100.000.000	80.313.275	41%	80%
L i nhu n tr c thu	3.822.448.613	4.098.662.678	4.106.091.000	107%	100,18%



Thu TNDN	636.475.524	614.799.402	550.919.773	87%	90%
L i nhu n sau thu	3.185.973.089	3.483.863.276	3.555.171.227	112%	102%
T l l i nhu n tr c t c (%)	25,88%	28,30%	28,88%	111,59%	102,05%
T l c t c (%)	20%	20%	20%	100%	100%

### Tình hình th c hi n so v i k ho ch:

Theo b ng tóm t t trên có th th y, ch tiêu doanh thu thu n t ng 8% so n m 2018 và t 106,22% so v i k ho ch n m 2019; l i nhu n t ho t ng s n xu t, kinh doanh chính t ng 11% so v i n m 2018 và t ng 1% so v i k ho ch n m; t l l i nhu n tr c t c th c hi n n m 2019 t ng 11,59% so v i n m 2018 và t ng 2,05% so k ho ch 2019.

### 2. T ch c và nhân s

– Danh sách Ban i u hành:.

Ông Lâm V n Nguy n Huy	Giám c
Bà Nguy n Th Kim Tuy n	Phó Giám c
Ông Lâm Nh t Minh	K toán tr ng

1	H và tên	:	Lâm V n Nguy n Huy
❖	Ch c v hi n t i	:	Giám c
❖	Gi i tính	:	Nam
❖	Ngày tháng n m sinh	:	10/08/1975
❖	Qu c t ch	:	Vi t Nam
❖	Dân t c	:	Kinh
❖	S CMTND	:	370684536 c p ngày 20/04/2005 t i Kiên Giang.
❖	á ch th ng trú	:	191/6/13 Nguy n Trung Tr c, V nh B o, R ch Giá, Kiên Giang
❖	S i n tho i liên l c	:	0989860666
❖	Trình v n hóa	:	12/12
❖	Trình chuyên môn	:	C nhân Công ngh thông tin
❖	Quá trình công tác		
	- T 1999-2009	:	Công tác t i CTCP Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang
	- T 2009 - 2013	:	C á hàng tr ng Nhà sách ông H 1, TV H QT CTCP Sách – Thi t b tr ng h c KG
	- T 2014 n tháng 04/2018	:	Phó Giám c, kiêm Tr ng phòng Kinh doanh, TV H QT CTCP Sách–Thi t b tr ng h c KG





	-T tháng 05/2018 n nay	:	Giám c công ty, thành viên H QT.
❖	Ch c v ang n m gi các t ch c khác	:	Không
❖	S c ph n n m gi	:	54.230 c ph n chi m 4,40% v n i u l
<b>2</b>	<b>H và tên</b>	:	<b>Nguy n Th Kim Tuy n</b>
❖	Ch c v hi n t i	:	Phó Giám c kiêm Tr ng phòng Kinh doanh
❖	Gi i tính	:	N
❖	Ngày tháng n m sinh	:	12/11/1976
❖	Qu c t ch	:	Vi t Nam
❖	Dân t c	:	Kinh
❖	S CMTND	:	370739314 c p ngày 11/03/2011 t i Kiên Giang.
❖	a ch th ng trú	:	474 Ngô Quy n, V nh L c, R ch Giá, Kiên Giang
❖	S i n tho i liên l c	:	0913848040
❖	Trình v n hóa	:	12/12
❖	Trình chuyên môn	:	C nhân S ph m chuyên ngành Anh
❖	Quá trình công tác	:	
	- T 12/2001 – T6/2004	:	Nhân viên Nhà sách ông H 1 thu c CTCP Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang
	- T T6/2004 – T12/2006	:	C a hàng Phó Nhà sách ông H 2 thu c CTCP Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang
	- T 12/2006 – T12/2013	:	C a hàng tr ng NS ông H 2 thu c CTCP Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang.
	-T T10/2015 – T04/2018	:	C a hàng Tr ng NS H1 thu c CTCP Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang
	- T T05/2018 n nay	:	Phó Giám c công ty CP Sách – TBTH Kiên Giang, thành viên H QT Công ty CP Sách – TBTH Kiên Giang.
❖	Ch c v ang n m gi các t ch c khác	:	Không
❖	S c ph n n m gi	:	8.400 c ph n chi m 0,68% v n i u l
<b>3</b>	<b>H và tên</b>	:	<b>Lâm Nh t Minh</b>
❖	Ch c v hi n t i	:	K toán tr ng Công ty C ph n Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang



❖	Gi i tính	:	Nam
❖	Ngày tháng n m sinh	:	07/06/1971
❖	Qu c t ch	:	Vi t Nam
❖	Dân t c	:	Kinh
❖	S CMTND	:	370500784 c p ngày 06/06/2016 t i Kiên Giang
❖	a ch th ng trú	:	61 B ch ng, ph ng V nh Thanh Vân, thành ph R ch Giá, t nh Kiên Giang
❖	S i n tho i liên l c	:	0903709254
❖	Trình v n hóa	:	12/12
❖	Trình chuyên môn	:	C nhân Kinh t
❖	Quá trình công tác		
	- T 2004 - 2006	:	K toán bán hàng t i nhà sách ông H 2 – Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang
	- T 2006 - 2009	:	C a hàng phó nhà sách ông H 2 - Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang
	- T 2009 - 2010	:	Tr ng phòng K toán Cty CP Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang
	- T 2010 n nay	:	K toán tr ng kiêm Tr ng phòng K toán Cty CP Sách – Thi t b tr ng h c Kiên Giang
❖	Ch c v ang n m gi các t ch c khác	:	Không
❖	S c ph n n m gi	:	2.000 c ph n chi m 0,16% v n i ul

– **Nh ng thay i trong Ban i u hành:** Sau i h i h i ng c ông th ng niên 2019, H i ng qu n tr không có s thay i nhân s trong Ban i u hành

– **S l ng cán b , nhân viên; chính sách cho ng i lao ng:**

+ T ng s CBCNV có m t t i n v tính n ngày 31/12/2019 là 96 ng i. Phân lo i:

STT	CH TIÊU	S L NG (ng i)
<b>I</b>	<b>THEO TRÌNH</b>	<b>96</b>
1	Trên i h c, i h c	25
2	Trung c p	25
3	Khác	46
<b>II</b>	<b>THEO H P NG LAO NG</b>	<b>96</b>
1	Không th i h n	81
2	Xác nh th i h n	15

**+ Chính sách cho ng i lao ng:**

*Chính sách ào t o:* Hàng n m, tùy vào tình hình và nhu c u th c t công ty s c CBCNV tham d các l p nâng cao v chuyên môn, nghi p v ho c m i gi ng viên có kinh nghi m v n v m l p t p hu n v các k n ng qu n lý, bán hàng, marketing....

*Chính sách tỉ n l ng, th ng, tr c p, phúc l i:* C n c vào Ngh nh s 49/2013/N -CP ngày 14/05/2013 c a Chính ph v quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a B lu t Lao ng v tỉ n l ng, công ty ã tỉ n hành xây d ng l i toàn b h th ng thang, b ng l ng m i m b o phù h p v i n ng l c và công vi c c a t ng ng i, t ng b ph n, khuy n khích ng i lao ng làm vi c nhi t tình, góp ph n phát tri n s n xu t kinh doanh c a n v; Quy ch tr l ng, th ng cho ng i lao ng c ng c xây d ng theo quy nh hi n hành. Công ty còn th c hi n ch khen th ng t xu t cho nh ng cá nhân và t p th có thành tích xu t s c trong công tác.

Ng i lao ng c h ng y các ch chính sách v b o hi m theo quy nh c a pháp lu t: BHXH – BHYT – BHTNg, công ty m b o không n tỉ n óng b o hi m, ng i lao ng c h ng tr c p BHXH : m au, thai s n, b nh t t, ch thôi vi c... luôn k p th i. Hàng n m công ty còn trích qu phúc l i t ch c cho CBCNV có thành tích xu t s c c i h c t p, tham quan, du l ch trong và ngoài n c.

**3. Tình hình u t , tình hình th c hi n các d án**

a) Các kho n u t l n: Trong n m 2019 công ty ã tri n khai nâng c p m t b ng kinh doanh t i v n phòng công ty lên thành Nhà sách ông H 3 v i t ng giá tr u t 800 tri u ng.

b) Các công ty con, công ty liên k t: Không có.

**4. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

Ch tiêu	N m 2018	N m 2019	T l %
T ng giá tr tài s n	32.331.308.420	33.355.426.278	103,17%
Doanh thu thu n	111.846.571.598	120.952.812.225	108%
L i nhu n t ho t ng kinh doanh	3.625.714.130	4.025.777.725	111%
L i nhu n khác	196.734.483	80.313.275	41%
L i nhu n tr c thu	3.822.448.613	4.106.091.000	107%
L i nhu n sau thu	3.185.973.089	3.555.171.227	112%
T l l i nhu n tr c t c	20%	20%	20%

– Các ch tiêu khác:



## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: $\frac{TS\ ngắn\ hạn/N\ ngắn\ hạn}{N\ ngắn\ hạn}$	2,18	1,95	
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{TS\ ngắn\ hạn - Hàng\ tồn\ kho}{N\ ngắn\ hạn}$	0,80	0,61	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số N/T ngắn tài sản	35,35	39,00	
+ Hệ số N/V ngắn chi phí	54,68	63,94	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{Giá\ trị\ hàng\ bán}{Hàng\ tồn\ kho\ bình\ quân}$	5,30	5,86	
+ Doanh thu thu nhập/Tổng tài sản:	3,46	3,63	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thu nhập	2,85	2,94	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chi phí	15,24	17,47	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,85	10,66	
+ Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thu nhập	3,24	3,33	

## 5. Cơ cấu công, thay đổi vốn chủ sở hữu

a) Công nợ: Tổng số công nợ phải trả là 1.231.060 công nợ phải trả thông, không có công nợ phải trả và công nợ phải trả chuyển nhượng.

b) Cơ cấu công: ngày 31/12/2019.

STT	Công	Tổng số Công nợ	Tỷ lệ
A	CÔNG LỢN	464.360	37,72%
I	Cá nhân:	218.160	17,72%



1	Cá nhân trong n c	218.160	17,72%
2	Cá nhân n c ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>T ch c</b>	<b>246.200</b>	<b>20,00%</b>
1	T ch c trong n c	246.200	20,00%
2	T ch c n c ngoài	0	0
<b>B</b>	<b>C ÔNG NH</b>	<b>766.700</b>	<b>62,28%</b>
<b>I</b>	<b>Cá nhân:</b>	<b>765.700</b>	<b>62,20%</b>
1	Cá nhân trong n c	765.700	62,20%
2	Cá nhân n c ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>T ch c</b>	<b>1.000</b>	<b>0,08%</b>
1	T ch c trong n c	1.000	0.08%
2	T ch c n c ngoài	0	0
	<b>T NG C NG (A + B)</b>	<b>1.231.060</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay i v n ut c a ch s h u: Trong n m 2019 không có thay i v v n ut c a ch s h u.

d) Giao d ch c phi u qu : Công ty không có c phi u qu .

e) Các ch ng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác ng liên quan n môi tr ng và xã h i c a công ty

### 6.1. Qu n lý ngu n nguyên v t li u:

a) T ng l ng nguyên v t li u c s d ng s n xu t và óng gói các s n ph m và d ch v chính c a t ch c trong n m: Không có

b) Báo cáo t l ph n tr m nguyên v t li u c tái ch c s d ng s n xu t s n ph m và d ch v chính c a t ch c: Không có

### 6.2. Tiêu th n ng l ng/ Energy consumption:

a) N ng l ng tiêu th tr c ti p và gián ti p: T ng s Kw i n tiêu th ph c v cho kh i kinh doanh bán hàng tr c ti p và kh i v n phòng là 409.919 kw

b) N ng l ng ti t ki m c thông qua các sáng ki n s d ng n ng l ng hi u qu : Không có

c) Các báo cáo sáng ki n ti t ki m n ng l ng (cung c p các s n ph m và d ch v ti t ki m n ng l ng ho c s d ng n ng l ng tái t o); báo cáo k t qu c a các sáng ki n này: Không có

### 6.3. Tiêu th n c: (m c tiêu th n c c a các ho t ng kinh doanh trong n m)

a) Ngu n cung c p n c và l ng n c s d ng: Ho t ng kinh doanh c a công ty ch y u là bán hàng nên ngu n n c cung c p chính c mua t công ty c p thoát n c c a a ph ng, t ng l ng n c tiêu th trong n m là 1.440m<sup>3</sup>.

b) T l ph n tr m và t ng l ng n c tái ch và tái s d ng: Không có



**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty chấp hành nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường**

a) Số lượng vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình và tăng lương:

- Tổng số nhân viên có mặt tính đến ngày 31/12/2019 là 96 người; tiền lương trung bình là 10.500.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

*Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi:* Căn cứ vào Nghị quyết 49/2013/N-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, công ty đã tiến hành xây dựng lộ trình thang, bảng lương mới nhằm phù hợp với ngành và công việc cụ thể của từng vị trí, công việc, khuyến khích người lao động làm việc nhiệt tình, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của công ty; Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động công nhân xây dựng theo quy định hiện hành. Công ty còn thực hiện khen thưởng tốt cho nhân viên cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác.

Người lao động chấp hành các chế độ chính sách về bảo hiểm theo quy định của pháp luật: BHXH – BHYT – BHTN, công ty bảo hiểm nhân thọ bảo hiểm, người lao động chấp hành chế độ BHXH: mua, tham gia, bảo hiểm, chi trả bồi thường... luôn kịp thời. Hàng năm công ty còn trích quỹ phúc lợi để chi trả cho nhân viên có thành tích xuất sắc công tác, tham gia, du lịch trong và ngoài nước.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục hỗ trợ người lao động mở rộng kiến thức và phát triển sản phẩm: năm 2019, công ty đã tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ về các kỹ năng quản lý, bán hàng, marketing... có hơn 10 lượt người tham gia đào tạo, tập huấn.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

Các hoạt động từ thiện xã hội và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Trong năm, công ty tài trợ cho các đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang, Trường THPT Kiên Giang, Hội khuyến học địa phương tổ chức các hoạt động xây dựng sách cho các chi nhánh; phát triển sách cho con em nghèo hiếu học, học giỏi; ngoài ra công ty còn ủng hộ cho các quỹ xã hội: Quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống lụt bão, Quỹ nhân ái... Tổng số tiền ủng hộ trong năm hơn 100.000.000 đồng.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thương mại xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không có.

**III. Báo cáo và ánh giá c a Ban Giám c****1. ánh giá k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh:**

– Xem b ng tóm t t ho t ng kinh doanh c a công ty ph n II, cho th y n m 2019 t ng l i nhu n sau thu t c là 3,555 t ng so v i k ho ch t ra u n m 2019 là 3,484 t ng ch t 112% và so v i n m 2018 t ng 2% t ng ng s t i n t ng là 369 tri u ng.

– N m 2019, tình hình kinh doanh ti p t c g p nhi u khó kh n do s c nh tranh gay g t gi a các công ty có cùng ngành ngh trên à bàn b t bu c công ty ph i áp d ng nhi u hình th c khuy n mãi, t ng chi t kh u cho khách hàng nh m n m v ng th ph n. Tuy trong n m có nh ng khó kh n nh ng Ban Giám c công ty ã k p th i n m b t nhi u c h i, có nh ng gi i pháp kinh doanh h p lý à doanh thu c a công ty t và v t m c k ho ch doanh thu ra trên 7 t ng.

– t c m c tiêu trên, trong n m 2019 Ban Giám c công ty ti p t c vi c giao khoán các ch tiêu nh : doanh thu, chi phí, l i nhu n và ti n l ng cho các b ph n kinh doanh nh m t o ng l c phát huy tinh th n ti t ki m, gi m chi phí trong kinh doanh t ó t ng thu nh p cho ng i lao ng; công tác nhân s c ng th ng xuyên c s p x p cho phù h p v i tình hình kinh doanh th c t , nh m phát huy n ng l c c a t ng cá nhân; công tác ngo i giao, marketing c chú tr ng nh m t o uy tín, ni m tin v i khách hàng và các i tác giúp công ty gi v ng c th ph n; m thêm 01 nhà sách nh m t ng c ng th ph n bán l ; công tác tri n khai bán hàng qua m ng ang c th c nghi m và s c tri n khai m r ng trong n m 2020.

**2. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài s n:**

Cu i n m 2019, công ty có t ng tài s n là 33,355 t ng t ng 1,024 t ng t ng ng t ng 3,17% so v i th i i m cu i n m 2018. Quy mô tài s n trong n m ít bi n ng, tuy nhiên c c u tài s n có s thay i

Ch tiêu	N m 2018	N m 2019
Tài s n l u ng/ t ng tài s n	77,24%	75,95%
Tài s n c nh/ t ng tài s n	22,76%	24,05%

- Tài s n ng n h n t ng t 24,971 t ng lên 25,334 t ng t ng ng t ng 1,45% . Trong ó :

+ Các kho n ph i thu t 5,685 t ng gi m còn 3,635 t ng gi m 36,06%;  
+ Tài s n ng n h n khác t 110,953 tri u ng gi m còn 63,449 tri u ng gi m 42,81%

+ Hàng hóa t n kho t 15,825 t t ng lên 17,347 t ng t ng 9,62%.

- Tài s n dài h n t ng t 7,359 t ng lên 8,022 t ng t ng ng t ng 9,01%.

**b) Tình hình n ph i tr**

– Tình hình n hi n t i, bi n ng l n v các kho n n .



Ch tiêu	T i ngày 31/12/2019	T i ngày 01/01/2019
Các kho n vay	3.858.561.788	3.872.759.836
Ph i tr ng i bán	4.790.469.560	3.422.970.700
Ph i tr CBCNV và ph i tr khác	2.702.753.343	2.011.715.145
Chi phí ph i tr	873.146.674	1.413.085.831
Thu và các kho n ph i n p NN	364.140.117	439.474.258
<b>T ng c ng</b>	<b>12.589.071.482</b>	<b>11.160.005.770</b>

– Phân tích n ph i tr x u, nh h ng chênh l ch c a t l giá h i oái n k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh c a công ty, nh h ng chênh l ch lãi vay:

Hì n t i công ty có kh n ng chi tr các kho n n vay và công n cho nhà cung c p, cu i n m công ty không có các r i ro v thanh toán.

Công ty không s d ng ngo i t trong ho t ng s n xu t kinh doanh.

### 3. Nh ng c i ti n v c c u t ch c, chính sách, qu n lý:

Công ty luôn coi tr ng và th ng xuyên c i t công tác qu n lý bán hàng các nhà sách. N m 2019, công ty tì p t c c ng c và phát tri n mô hình qu n lý các c a hàng theo ho t ng nhóm. Mô hình này ã mang l i nh ng hi u qu thi t th c cho công ty nh : gi m c biên ch , thúc y n ng su t làm vi c c a ng i lao ng t ng lên, thu nh p ng i lao ng c cao h n...mô hình này s c ti p t c i u ch nh cho phù h p phát huy trong th i gian t i; ngoài ra công ty còn ã m t s cán b qu n lý ch ch t i t p hu n các l p v nâng cao trình qu n lý và trình bán hàng nh m t ng b c chuyên môn hóa các khâu quan tr ng trong công tác kinh doanh.

### 4. K ho ch phát tri n trong t ng lai:

Trong n m 2020 và nh ng n m ti p theo, công ty tì p t c th c hi n vi c c i t công tác qu n lý, thay i ph ng th c qu n lý bán hàng theo nhóm, gi m biên ch các cá nhân không tích c c trong công tác; t ng c ng qu n lý chi phí, th c hành ti t ki m, tì p t c th c hi n k ho ch khoán doanh thu – giá v n – chi phí - tì n l ng và thu nh p n các n v tr c thu c nh m xóa b nh ng h n ch , y u kém còn t n t i; xây d ng m t i ng nhân viên có n i l c, dám ngh , dám làm, n ng ng, sáng t o trong môi tr ng kinh doanh ngày càng có tính c nh tranh gay g t nh hi n nay.

áp ng y các nhu c u c a khách hàng v ã đ ng ch ng lo i hàng hóa, t ng c ng khai thác các m t hàng m i, th ng xuyên c p nh t th hi u c a khách hàng nh m cung ng k p th i các m t hàng theo nhu c u c a khách; tì p t c m r ng và khai thác m t hàng s sách qu n lý, ánh giá ch t l ng d y và h c c a các c p h c, các tr ng m u giáo cùng v i các thi t b , s sách qu n lý ph c v cho các ch ng trình i m i giáo d c (công ngh , Vnen); tìm i tác liên k t, liên doanh khai thác các m t hàng v n phòng ph m, thi t b đ y h c th c hi n bán buôn các m t hàng này.





Nâng cao ch t l ng bán l , l y doanh thu bán l làm tr ng tâm. M r ng, xây m i c a hàng bán l , s a ch a, nâng c p các c a hàng hi n có nh m t o môi tr ng mua s m thông thoáng, s ch, p cho khách hàng. T ng c ng và m r ng công tác ti p th n các c quan, tr ng h c, công ty, xí nghi p m r ng th ph n; có ch ng trình khuy n mãi h p lý nâng cao n ng l c c nh tranh, t o th ph n v ng ch c trong n n kinh t th tr ng; nghiên c u m r ng kênh bán hàng qua m ng, bán tr c ti p n các tr ng h c trên a bàn trong t nh.

5. *Gi i trình c a Ban Giám c i v i ý ki n ki m toán:* Không có.

#### IV. ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Công ty

##### 1. ánh giá c a H i ng qu n tr v các m t ho t ng c a Công ty

Trong n m qua tuy công tác kinh doanh ti p t c g p nhi u khó kh n, các nhà sách c a công ty g p s c nh tranh gay g t không ch sách mà các m t hàng khác c ng v y, nh ng Ban Giám c ã c g ng tìm m i gi i pháp công ty t c các ch tiêu mà i h i c ông n m 2019 ã ra, c th doanh thu ã t 120,953 t ng so v i k ho ch 113,870 t ng t ng 6,22% và t ng 8% so v i n m 2018.

Bên c nh ó, vi c gi m ut công c a chính ph c ng ã nh h ng n doanh s và ho t ng c a công ty. X ng s n xu t thi t b nh n c ít n hàng, s n su t c m ch ng, i s ng công nhân g p nhi u khó kh n, có m t s ã ngh vi c; doanh thu m ng thi t b ti p t c gi m sút so v i các n m tr c.

Trong n m 2019 công ty ã c g ng t c k ho ch doanh thu và l i nhu n. Ban giám c ra các gi i pháp c th th c hi n các ch tiêu k ho ch, c bi t chú ý ch tiêu l i nhu n, t ng c ng th c hi n các ch c n ng giám sát b máy qu n lý, i u hành, khen th ng k p th i nh ng cá nhân mang l i l i ích cho công ty; ng th i c ng m nh d n ch n ch nh, thay th nh ng cán b y u kém không hoàn thành nhi m v c phân công; t ng c ng ch o th c hi n Ngh quy t i h i c ông và các ngh quy t c a H i ng qu n tr công ty.

##### 2. ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Ban Giám c công ty

H i ng Qu n tr giám sát ho t ng c a Ban Giám c sâu sát, khách quan và minh b ch. Ngoài ra, H i ng Qu n tr xây d ng chi n l c, k ho ch trung h n và nh h ng cho Ban Giám c nh m ph n u hoàn thành các ch tiêu k ho ch n m 2019 do i h i ng c ông thông qua.

Trong quá trình i u hành, Ban giám c công ty ã th c hi n úng ch c n ng nhi m v c phân công, b o m s n xu t kinh doanh c a công ty úng quy nh c a pháp lu t, i u l và các Ngh quy t c a H i ng Qu n tr . Nhìn chung, giám sát quá trình tác nghi p c a Giám c và các cán b qu n lý khác trong công ty ch a phát hi n các vi ph m i u l công ty, vi ph m lu t c ng nh nh ng quy t c, quy ch chung.

N m 2020, H i ng qu n tr hy v ng Ban Giám c công ty ti p t c có nh ng ti n b h n trong công tác qu n lý, i u hành nh m a ho t ng c a công ty ngày m t phát tri n h n.



### 3. Các k ho ch, nh h ng c a H i ng qu n tr

Th c hi n nh t quán chi n l c phát tri n c a công ty ã c xác nh, H i ng Qu n tr ch o xây d ng, th c hi n các ch tiêu k ho ch, tuân th úng nh h ng ch o trong s n xu t kinh doanh.

ra các gi i pháp th c hi n các ch tiêu, k ho ch c bi t chú ý các ch tiêu l i nhu n, công tác thu h i công n . T ng c ng th c hi n các ch c n ng, giám sát b máy qu n lý và i u hành, khen th ng k p th i nh ng cá nhân mang l i l i ích cho công ty.

ng th i m nh d n ch n ch nh, thay th nh ng cán b y u kém, không hoàn thành nhi m v c phân công, ch o th c hi n Ngh quy t c a H i ng Qu n tr trong các k h p.

Theo dõi ch o sát sao các ho t ng c a công ty, tuân th úng quy nh, quy ch , i u l ho t ng và pháp lu t có liên quan.

Ph i h p t t v i Ban ki m soát t ch c các t ki m tra, giám sát ho t ng s n xu t kinh doanh theo quy nh.

T ng c ng vi c qu n bá th ng hi u công ty trên ph ng ti n thông tin truy n thông, m kênh bán hàng qua m ng, có chi n l c xây d ng k ho ch t o ngu n phát tri n nhân l c áp ng yêu c u công ty trong giai o n tr c m t và lâu dài.

M t s công tác tr ng tâm trong n m 2020:

- C i t l i công tác thi ua, khen th ng ng viên k p th i i ng nhân viên có óng góp tích c c cho s phát tri n c a công ty.

- Nâng c p làm m i c s v t ch t, thay i m t s qu y k h h ng, xu ng c p t i các nhà sách ông H c bi t là khu v c tr ng bày hàng hóa t o nét m i l thu hút khách hàng khi n mua s m.

- T ng c ng công tác qu n lý chi phí, th c hi n ti t ki m, ti p t c th c hi n k ho ch khoán doanh thu-giá v n-chi phí-ti n l ng- hàng t n kho và thu nh p n các n v tr c thu c. S d ng v n vay h p lý và ti t ki m chi phí lãi vay ngân hàng.

- Chú tr ng công tác k ho ch SGK, SBT, sách tham kh o i v i l p 2 và l p 6. Tránh t n kho hàng hóa v t m c cho phép, ch ng phát hành sách giáo khoa l p 1 m i chi m l nh th ph n. Công tác k ho ch Sách giáo khoa n m 2020 ph i c t vào nhi m v tr ng tâm.

- u t h th ng n ng l ng m t tr i t i các Nhà sách và công ty nh m gi m b t chi phí ti n i n trong s n xu t kinh doanh.

## V. Qu n tr công ty

### 1. H i ng qu n tr

a) Thành viên và c c u c a H i ng qu n tr : H QT g m có 5 thành viên

Ông Nguy n Hùng D ng

Ch t ch H i ng qu n tr ;

Ông Mai Ng c Khoa

Thành viên H i ng qu n tr c l p;



Ông Lâm Văn Nguyễn Huy Thành viên Hội đồng quản trị;  
 Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền Thành viên Hội đồng quản trị;  
 Ông Phạm Văn Hoàng Thành viên HĐQT. ( i di n v n T ch c).

- Các thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Danh sách	Tỉ lệ số vốn cổ phần	Chức danh nhiệm vụ gì khác các chức khác	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành viên HĐQT không i u hành:</b>			
1	Nguyễn Hùng Dũng	8,94%	Không có	
2	Phạm Văn Hoàng	20%	Trưởng Giám đốc Cty cổ phần Thương mại Kiên Giang.	i di n v n t ch c.
3	Mai Ngọc Khoa	Không	Không có	Thành viên cl p
<b>II</b>	<b>Các thành viên khác:</b>			
1	Nguyễn Thị Kim Tuyền	0,68%	Không có	Giám đốc
2	Lâm Văn Nguyễn Huy	4,41%	Không có	Phó G

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT công ty không có các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát bộ máy quản trị và i u hành công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ như giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý...các m u bị u báo cáo của Ban giám đốc và các bộ phận quản lý. Giám đốc thực hiện ứng chức năng và nhiệm vụ của giao trong i u l và t ch c th c hi n Ngh quy t của i h i c ông và Hội đồng quản trị.

Giám sát, chỉ trì thành công i h i c ông th ng niên n m 2019; thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh n m 2019, các chỉ tiêu v t i n l ng, l i nhu n, c t c... giám sát vì c th c hi n các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh ã ra theo NQ i h i c ông u n m.

Trong n m 2019, HĐQT ã tiến hành c 4 cuộc họp chính thức đánh giá các m t h o t ng kinh doanh của t ng quý; ngoài ra còn có m t s cuộc họp t xu t th ng nh t các v n c n gi i quy t ngay. N m 2019, HĐQT ã ra các Ngh quy t và Quy t nh sau:

STT	S Ngh quy t/ Quy t  nh	Ngày	N i dung
01	Q s 15/Q /KBE	01/02/2019	V/v sáp nhập Phòng Kế toán-Tài chính và phòng T ch c-hành chính thành phòng Kế toán – T ch c – Hành chính.
02	NQ s 01/2019/NQ-H  QT-KBE	11/03/2019	V/v chia c t c t 2/2018 và tham d i h i c ông 2019.



03	NQ số 02/2019/NQ-H QT-KBE	11/03/2019	V/v rút , mở rộng khu trưng bày phòng Kinh doanh
04	NQ số 03/2019/NQ- H C	20/04/2019	Nghị quyết định công thưởng năm 2019.
05	NQ số 04/2019/NQ-H QT-KBE	25/10/2019	V/v chia cổ tức 1 năm 2019.
06	Q số 91/2019/Q -KBE	23/12/2019	V/v Ban hành Quy chế chi tiêu hàng ngày , chi công tác phí và sử dụng ngân quỹ trong công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị công ty không hiệu quả: Tham gia ý kiến các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, tham gia xuyên suốt những ý kiến đóng góp tích cực cho hoạt động kinh doanh của công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chức danh nào trong công ty.

- + Ông Nguyễn Hùng Dũng Chức danh Hội đồng quản trị
- + Ông Phạm Văn Hoàng Thành viên Hội đồng quản trị
- + Ông Lâm Văn Nguyễn Huy Thành viên Hội đồng quản trị

## 2. Ban Kiểm soát.

### a) Thành viên và chức vụ của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Chức danh nhiệm kỳ và các chức danh khác
01	Đinh Hoài Thanh	Trưởng Ban	0	0	Kiểm toán trưởng Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang
02	Nguyễn Út Th	Thành viên	3.400	0,28%	Không
03	Nguyễn Thị Thanh Tú	Thành viên	11.520	0,94%	Không

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Hội đồng công ty, do Hội đồng công ty bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động dựa trên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát công ty trong năm 2018 đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

+ Tham dự tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

+ Kiểm tra tham mưu cho Hội đồng quản trị công ty về tài chính, nhân sự và các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi công ty luôn hoàn hảo.

+ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, năm của phòng tài chính kế toán trực khi trình Hội đồng quản trị những nội dung liên quan đến kế toán công ty.



**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN Ặ CHI
01	NGUYỄN HÙNG D  NG	Chủ tịch HĐQT	67.500.000
02	MAI NG  C KHOA	Thành viên HĐQT  c l p	51.750.000
03	L  M V  N NGUYỄN HUY	Giám  c, Thành viên HĐQT	51.750.000
04	PH  M V  N HOÀNG	Thành viên HĐQT	51.750.000
05	NGUYỄN TH  KIM TUY  N	Phó G  , Thành viên HĐQT	51.750.000
06	L  M NH  T MINH	Th  ký HĐQT	34.500.000
07	INH HOÀI THANH	Tr  ng Ban kiểm soát	39.000.000
08	NGUYỄN TH  THANH T Ứ	Thành viên BKS	17.250.000
09	NGUYỄN ỨT TH	Thành viên BKS	17.250.000
	<b>T  NG C  NG</b>		<b>382.500.000</b>

b) **Giao dịch có phi u c a c ông n i b và ng i có liên quan:** Không có

c) **H p ng ho c giao dịch v i c ông n i b :** Không có

d) **Vi c th c hi n các quy nh v qu n tr công ty:** Vi c th c hi n các quy nh v qu n tr công ty m b o tuân th úng theo các quy nh c a pháp lu t hi n hành.

**VI. Báo cáo tài chính:****1. Ý kiến kiểm toán:**

Số: 20.201/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0172-2018-026-1  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
*TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2020*

**Trịnh Thanh Thanh**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2820-2020-026-1



## 2. Báo cáo tài chính ã c kì m toán

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.333.747.653</b>	<b>24.971.765.680</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.287.959.368</b>	<b>3.350.295.647</b>
1. Tiền	111	4.1	4.287.959.368	3.350.295.647
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.635.024.554</b>	<b>5.685.539.799</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	4.108.485.563	6.356.116.853
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		261.232.875	64.116.830
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(734.693.884)	(734.693.884)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.4	<b>17.347.314.041</b>	<b>15.824.976.321</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.504.388.372	15.928.438.057
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(157.074.331)	(103.461.736)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>63.449.690</b>	<b>110.953.913</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	63.449.690	110.953.913
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.021.678.625</b>	<b>7.359.542.740</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.698.294.183</b>	<b>6.613.394.436</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	5.158.294.183	5.073.394.436
Nguyên giá	222		11.813.054.796	11.341.980.742
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.654.760.613)	(6.268.586.306)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	1.540.000.000	1.540.000.000
Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.8	<b>472.000.000</b>	<b>424.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		523.000.000	523.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.000.000)	(99.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>851.384.442</b>	<b>322.148.304</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	851.384.442	322.148.304
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>33.355.426.278</b>	<b>32.331.308.420</b>

(Xem tiếp trang sau)





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.009.542.988</b>	<b>11.429.405.715</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.009.542.988</b>	<b>11.429.405.715</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	4.790.469.560	3.422.970.700
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.966.610	33.494.309
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	364.140.117	439.474.258
4. Phải trả người lao động	314	4.11	2.702.753.343	2.011.715.145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	873.146.674	1.413.085.831
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		72.165	72.165
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	3.858.561.788	3.872.759.836
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	384.432.731	235.833.471
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.345.883.290</b>	<b>20.901.902.705</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15	<b>20.345.883.290</b>	<b>20.901.902.705</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.310.600.000	12.310.600.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.060.000	1.231.060.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.251.823.290	6.807.842.705
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.339.284.323	4.220.711.701
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.912.538.967	2.587.131.004
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>33.355.426.278</b>	<b>32.331.308.420</b>



**Lâm Văn Nguyễn Huy**  
 Giám đốc

Kiên Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2020

**Lâm Nhật Minh**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thùy Linh**  
 Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	132.725.491.258	126.247.653.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	5.2	11.772.679.033	14.401.081.406
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.952.812.225	111.846.571.598
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	97.163.799.403	89.667.395.839
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.789.012.822	22.179.175.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	210.537.219	143.351.140
7. Chi phí tài chính	22	5.5	458.862.254	627.909.620
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		506.862.254	551.909.620
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	15.281.459.346	14.335.757.349
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	4.233.450.716	3.733.145.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.025.777.725	3.625.714.130
11. Thu nhập khác	31		80.313.275	196.734.483
12. Lợi nhuận khác	40		80.313.275	196.734.483
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.106.091.000	3.822.448.613
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	550.919.773	636.475.524
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.555.171.227	3.185.973.089
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	2.354	2.093
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.5	2.354	2.093



**Lâm Văn Nguyễn Huy**  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2020

**Lâm Nhựt Minh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thùy Linh**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.106.091.000	3.822.448.613
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	386.174.307	401.061.087
Các khoản dự phòng	03		5.612.595	169.461.736
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(89.913.645)	(43.903.497)
Chi phí lãi vay	06		506.862.254	551.909.620
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>4.914.826.511</b>	<b>4.900.977.559</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.050.515.245	1.227.755.925
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.575.950.315)	2.057.291.420
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.557.865.490	(1.295.199.517)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(481.731.915)	91.867.127
Tiền lãi vay đã trả	14		(506.723.250)	(556.248.505)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(663.188.206)	(550.455.387)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(515.611.382)	(770.853.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>4.780.002.178</b>	<b>5.105.135.622</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(471.074.054)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.913.645	43.903.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(381.160.409)</b>	<b>43.903.497</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	50.624.669.771	46.580.010.153
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(50.638.867.819)	(48.890.859.782)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.446.980.000)	(2.462.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>(3.461.178.048)</b>	<b>(4.772.969.629)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		<b>937.663.721</b>	<b>376.069.490</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.350.295.647	2.974.226.157
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70	4.1	<b>4.287.959.368</b>	<b>3.350.295.647</b>



Lâm Văn Nguyễn Huy  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Lâm Nhựt Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%
Công nhân viên	4.047.140.000	33%	4.047.140.000	33%
Đối tượng khác	5.801.460.000	47%	5.801.460.000	47%
<b>Cộng</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô E16, số 30 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 94 (31/12/2018: 96).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh sách, thiết bị trường học.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bìa (1720);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan tới in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; (46496)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện (465942);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và các thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630)
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640)
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan tới máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 27 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 09 tháng 07 năm 2015 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 15 tháng 03 năm 2017 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**3.3. Đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính******Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

**3.4. Nợ phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.5. Hàng tồn kho*****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bìa (giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (giá bán) và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc         | 08 - 25 năm |
| • Máy móc thiết bị               | 06 - 08 năm |
| • Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| • Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 - 06 năm |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình******Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô E16-57 Đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.11. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

**3.12. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

**3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì, khấu hao TSCĐ; chi phí chiết khấu, thưởng bán hàng; chi phí vận chuyển bốc vác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (chi phí điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, chi phí công tác).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.16. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Ưu đãi, miễn giảm thuế***

Theo khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bán phẩm.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Sách giáo khoa	Không chịu thuế
▪ Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa)	5%
▪ Hàng mỹ phẩm và các thiết bị điện tử như máy tính Casino	10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	66.543.463	194.271.112
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.221.415.905	3.156.024.535
<b>Cộng</b>	<b><u>4.287.959.368</u></b>	<b><u>3.350.295.647</u></b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Quốc	436.954.150	-
Phòng Giáo dục và Đào tạo An Minh	327.233.700	405.018.600
Phòng Giáo dục và Đào tạo Phú Quốc	302.577.200	450.103.500
Các khách hàng khác	3.041.720.513	4.408.198.953
<b>Cộng</b>	<b><u>4.108.485.563</u></b>	<b><u>6.356.116.853</u></b>

(Xem tiếp trang sau)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.3. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi	734.693.884	-	734.693.884	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An	289.798.000	-	Trên 3 năm	289.798.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	189.049.679	-	Trên 3 năm	189.049.679	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	255.846.205	-	Trên 3 năm	255.846.205	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>734.693.884</b>	<b>-</b>		<b>734.693.884</b>	<b>-</b>	

## 4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	255.065.506	-	287.439.043	-
Thành phẩm	194.440.000	-	188.362.000	-
Hàng hóa	17.054.882.866	157.074.331	15.452.637.014	103.461.736
<b>Cộng</b>	<b>17.504.388.372</b>	<b>157.074.331</b>	<b>15.928.438.057</b>	<b>103.461.736</b>

## 4.5. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ	63.449.690	110.953.913
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà sách	512.205.315	118.195.061
Công cụ, dụng cụ	188.007.888	152.517.630
Các khoản khác	151.171.239	51.435.613
<b>Cộng</b>	<b>851.384.442</b>	<b>322.148.304</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	9.475.341.646	308.253.283	1.059.641.926	498.743.887	11.341.980.742
Mua trong năm	440.637.690	-	-	30.436.364	471.074.054
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>9.915.979.336</b>	<b>308.253.283</b>	<b>1.059.641.926</b>	<b>529.180.251</b>	<b>11.813.054.796</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	4.416.577.210	308.253.283	1.059.641.926	484.113.887	6.268.586.306
Khấu hao trong năm	370.847.031	-	-	15.327.276	386.174.307
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>4.787.424.241</b>	<b>308.253.283</b>	<b>1.059.641.926</b>	<b>499.441.163</b>	<b>6.654.760.613</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	5.058.764.436	-	-	14.630.000	5.073.394.436
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5.128.555.095</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.739.088</b>	<b>5.158.294.183</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 5.128.555.095 VND đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.985.942.773 VND.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>1.660.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	-	120.000.000	120.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>-</b>	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	1.540.000.000	-	1.540.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.540.000.000</b>

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120.000.000 VND.

*(Xem tiếp trang sau)*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.8. Các khoản đầu tư tài chính

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	523.000.000	472.000.000	523.000.000	424.000.000
		Dự phòng		Dự phòng
				99.000.000

## 4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Ngọc Khởi	472.992.500	472.992.500	424.934.900	424.934.900
Công ty TNHH MTV Phan Đăng	448.653.594	448.653.594	93.750.003	93.750.003
Công ty TNHH Công nghệ Tin học TG	305.448.000	305.448.000	-	-
Các đối tượng khác	3.563.375.466	3.563.375.466	2.904.285.797	2.904.285.797
<b>Cộng</b>	<b>4.790.469.560</b>	<b>4.790.469.560</b>	<b>3.422.970.700</b>	<b>3.422.970.700</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	261.240.596	1.507.441.648	1.447.553.617	201.352.565
Thuế thu nhập doanh nghiệp	95.771.521	550.919.773	663.188.206	208.039.954
Thuế thu nhập cá nhân	7.128.000	250.541.274	273.495.013	30.081.739
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	87.745.498	87.745.498	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>364.140.117</b>	<b>2.319.442.892</b>	<b>2.394.777.033</b>	<b>439.474.258</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2019 còn phải trả cho người lao động.

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí chiết khấu bán hàng	757.163.974	1.335.742.135
Chi phí phải trả khác	115.982.700	77.343.696
<b>Cộng</b>	<b><u>873.146.674</u></b>	<b><u>1.413.085.831</u></b>

**4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty và chịu lãi suất 7,5%/năm - Xem thêm mục 4.6 và 4.7.

**4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu năm	235.833.471	396.909.969
Trích lập trong năm	462.172.260	414.176.502
Sử dụng trong năm	(313.573.000)	(575.253.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>384.432.731</u></b>	<b><u>235.833.471</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**
**4.15. Vốn chủ sở hữu**
**4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu									
	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quyđầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2018	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.719.633.463	20.813.693.463	-	-	-	-	20.813.693.463
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.185.973.089	3.185.973.089	-	-	-	-	3.185.973.089
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(414.176.502)	(414.176.502)	-	-	-	-	(414.176.502)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(195.600.000)	(195.600.000)	-	-	-	-	(195.600.000)
Trích bổ sung thuế TNDN năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	(25.867.345)	(25.867.345)	(25.867.345)
theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(2.462.120.000)	(2.462.120.000)	(2.462.120.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2019	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.807.842.705	20.901.902.705	-	-	-	-	20.901.902.705
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.555.171.227	3.555.171.227	-	-	-	-	3.555.171.227
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(462.172.260)	(462.172.260)	-	-	-	-	(462.172.260)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(195.600.000)	(195.600.000)	-	-	-	-	(195.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(6.438.382)	(6.438.382)	-	-	-	-	(6.438.382)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.446.980.000)	(3.446.980.000)	-	-	-	-	(3.446.980.000)
Tại ngày 31/12/2019	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.251.823.290	20.345.883.290	-	-	-	-	20.345.883.290

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Nhà nước	2.462.000.000	2.462.000.000
Công nhân viên	4.047.140.000	4.047.140.000
Đối tượng khác	5.801.460.000	5.801.460.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>

**4.15.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**4.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	3.555.171.227	3.185.973.089
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(462.172.260)	(414.176.502)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	(195.600.000)	(195.600.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.897.398.967</u>	<u>2.576.196.587</u>
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.231.060	1.231.060
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.354</u></b>	<b><u>2.093</u></b>

**4.15.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	3.555.171.227	3.185.973.089
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(462.172.260)	(414.176.502)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	(195.600.000)	(195.600.000)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.897.398.967</u>	<u>2.576.196.587</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.354</u></b>	<b><u>2.093</u></b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.15.6. Cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức đã chi trả trong năm	3.446.980.000	2.462.120.000

## 4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Văn Thụy Diễm Hằng	325.091.664	325.091.664
Đối tượng khác	102.616.462	102.616.462
<b>Cộng</b>	<b><u>427.708.126</u></b>	<b><u>427.708.126</u></b>

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

## 5.1. Doanh thu bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng	132.514.829.442	124.559.085.276
Doanh thu bán thành phẩm	210.661.816	1.688.567.728
<b>Cộng</b>	<b><u>132.725.491.258</u></b>	<b><u>126.247.653.004</u></b>

## 5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hàng bán bị trả lại	3.265.177.556	11.298.449.368
Chiết khấu thương mại	8.507.501.477	3.065.021.947
Giảm giá hàng bán	-	37.610.091
<b>Cộng</b>	<b><u>11.772.679.033</u></b>	<b><u>14.401.081.406</u></b>

## 5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	97.019.387.287	88.701.235.533
Giá vốn thành phẩm đã bán	144.412.116	966.160.306
<b>Cộng</b>	<b><u>97.163.799.403</u></b>	<b><u>89.667.395.839</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	1.913.645	3.903.497
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.000.000	40.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	120.623.574	99.447.643
<b>Cộng</b>	<b>210.537.219</b>	<b>143.351.140</b>

**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	506.862.254 (48.000.000)	551.909.620 76.000.000
<b>Cộng</b>	<b>458.862.254</b>	<b>627.909.620</b>

**5.6. Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	12.212.688.788	11.488.127.737
Chi phí vật liệu, bao bì	339.693.388	335.200.362
Chi phí công cụ dụng cụ	322.467.828	236.162.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.270.847	230.063.604
Thuế, phí và lệ phí	81.310.806	107.370.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.020.301.144	1.874.349.760
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	970.874.654	855.493.021
<i>Chi phí vận chuyển bốc vác</i>	513.167.364	327.636.828
<i>Chi phí khác</i>	536.259.126	691.219.911
Chi phí bằng tiền khác	67.726.545	64.483.636
<b>Cộng</b>	<b>15.281.459.346</b>	<b>14.335.757.349</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	2.871.864.158	2.442.342.379
Chi phí đồ dùng văn phòng	86.154.149	77.239.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.903.460	170.997.483
Thuế, phí và lệ phí	28.077.456	26.937.546
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.389.721	250.925.609
Chi phí bằng tiền khác	776.061.772	774.703.721
<i>Chi phí công tác</i>	146.167.680	158.463.138
<i>Chi phí tiếp khách</i>	322.595.115	240.256.868
<i>Chi phí khác</i>	307.298.977	375.983.715
<b>Cộng</b>	<b>4.233.450.716</b>	<b>3.733.145.800</b>

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.449.537	421.581.301
Chi phí nhân công	15.182.450.986	14.251.835.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.174.307	401.061.087
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	5.612.595	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.369.280.404	2.159.006.650
Chi phí bằng tiền khác	1.704.731.944	1.628.315.721
<b>Cộng</b>	<b>19.758.699.773</b>	<b>18.851.800.255</b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	550.919.773	515.404.092
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	121.071.432
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>550.919.773</b>	<b>636.475.524</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.106.091.000	3.822.448.613
Trừ cổ tức và lợi nhuận được chia	(88.000.000)	(40.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.018.091.000	3.782.448.613
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	2.526.984.263	2.410.856.305
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động thông thường</i>	1.491.106.737	1.371.592.308
Thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng cho doanh thu từ hoạt động ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng cho doanh thu từ hoạt động thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>550.919.773</b>	<b>515.404.092</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.624.669.771	46.580.010.153

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(50.638.867.819)	(48.890.859.782)

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**
**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thương mại;
- Sản xuất;

	Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		ĐVT: Triệu đồng Tổng cộng
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	
<b>Doanh thu thuần</b>							
Từ khách hàng bên ngoài	120.763	110.734	190	1.112	-	-	120.953 111.847
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>							
Kết quả của bộ phận							23.789 22.179
Chi phí không phân bổ							(19.515) (18.069)
Thu nhập tài chính							211 143
Chi phí tài chính							(459) (628)
Lợi nhuận khác							80 197
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(551) (636)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>3.555 3.186</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**
**Các thông tin khác:**

	Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		DVT: Triệu đồng	
	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Tài sản của bộ phận	32.906	31.856	450	476	-	-	33.355	32.331

**Nợ phải trả không phân bổ**

	Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		DVT: Triệu đồng	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
	13.010	11.429	-	-	-	-	13.010	11.429

Chi phí mua sắm tài sản  
Chi phí khấu hao

	471	-	-	-	-	-	471	-
	386	401	-	-	-	-	386	401

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Kiên Giang, Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	2.366.131.444	2.022.918.978

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	58.800.000	58.800.000

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lâm Văn Nguyễn Huy  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Lâm Nhật Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh  
Người lập

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước,
- Sở GD&ĐT Hà Nội,
- Thành viên HĐQT,
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hùng Dũng**